

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản
Minh Phú**

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	6103000072	ngày 12 tháng 5 năm 2006
	6103000072 (điều chỉnh lần 1)	ngày 25 tháng 5 năm 2007
	6103000072 (điều chỉnh lần 2)	ngày 12 tháng 11 năm 2007
	2000393273	ngày 23 tháng 6 năm 2010
	2000393273 (điều chỉnh lần 1)	ngày 15 tháng 10 năm 2014
	2000393273 (điều chỉnh lần 2)	ngày 15 tháng 12 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch
	Bà Chu Thị Bình	Phó Chủ tịch
	Ông Chu Văn An	Thành viên
	Ông Lê Văn Điệp	Thành viên
	Ông Lê Ngọc Anh	Thành viên
	Bà Lê Thị Dịu Minh	Thành viên
	Bà Đinh Ánh Tuyết	Thành viên (đến ngày 7 tháng 5 năm 2016)
	Ông Jean-Eric Jacquemin	Thành viên (đến ngày 7 tháng 5 năm 2016)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Lê Văn Quang	Tổng Giám đốc
	Bà Chu Thị Bình	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Chu Văn An	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Thái Hoàng Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Tấn Anh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Văn Điệp	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Bùi Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Lê Thị Dịu Minh	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát	Bà Phạm Hoàng Yến	Trưởng ban (từ ngày 7 tháng 5 năm 2016)
	Ông Nguyễn Thiện Tâm	Trưởng ban (đến ngày 7 tháng 5 năm 2016)
	Ông Trần Văn Khánh	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Hồng Cúc	Thành viên
	Bà Đỗ Thị Hạnh	Thành viên
	Bà Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên (đến ngày 7 tháng 5 năm 2016)

Trụ sở đăng ký	Khu Công nghiệp Phường 8 Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Tỉnh Cà Mau, ngày 22 tháng 8 năm 2016

**KPMG Limited Branch**

10th Floor, Sun Wah Tower, 115 Nguyen Hue Street,
Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City,
Vietnam

Tel: +84 8 3821 9266

Fax: +84 8 3821 9267

www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 22 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh



Báo cáo soát xét số: 15-01-268/2016R

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		4.095.972.663.921	4.569.800.842.952
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	683.015.580.513	631.784.693.548
Tiền	111		47.825.580.513	430.784.693.548
Các khoản tương đương tiền	112		635.190.000.000	201.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		553.532.649.411	597.432.649.411
Chứng khoán kinh doanh	121	6(a)	14.811.109.411	14.811.109.411
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6(a)	(8.378.460.000)	(8.378.460.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(b)	547.100.000.000	591.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.394.661.595.548	1.291.275.175.873
Phải thu của khách hàng	131	7	1.219.901.901.590	1.157.634.625.248
Trả trước cho người bán	132		34.644.344.014	20.257.962.711
Phải thu về cho vay	135	8	10.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	130.115.349.944	113.382.587.914
Hàng tồn kho	140	10	1.438.350.244.062	1.986.749.874.765
Hàng tồn kho	141		1.443.464.468.765	2.003.063.231.125
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.114.224.703)	(16.313.356.360)
Tài sản ngắn hạn khác	150		26.412.594.387	62.558.449.355
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	574.405.935	1.140.368.410
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11.880.516.671	45.375.430.083
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153	17(b)	11.830.270.645	14.963.775.722
Tài sản ngắn hạn khác	155		2.127.401.136	1.078.875.140

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.621.520.389.403	1.660.779.289.458
Các khoản phải thu dài hạn	210		7.306.508.578	-
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	7.306.508.578	-
Tài sản cố định	220		234.934.451.097	250.661.032.725
Tài sản cố định hữu hình	221	11	200.103.596.456	214.958.247.944
Nguyên giá	222		378.236.663.316	379.219.715.770
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(178.133.066.860)	(164.261.467.826)
Tài sản cố định vô hình	227	12	34.830.854.641	35.702.784.781
Nguyên giá	228		41.753.286.703	41.753.286.703
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.922.432.062)	(6.050.501.922)
Tài sản dở dang dài hạn	240		4.160.994.364	3.560.994.364
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	4.160.994.364	3.560.994.364
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(c)	1.365.738.960.671	1.396.138.926.105
Đầu tư vào công ty con	251		1.633.817.400.000	1.632.862.400.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		3.900.000.000	3.900.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.000.000.000	7.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(278.978.439.329)	(247.623.473.895)
Tài sản dài hạn khác	260		9.379.474.693	10.418.336.264
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	9.066.342.831	10.418.336.264
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	313.131.862	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.717.493.053.324	6.230.580.132.410

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		4.107.697.354.655	4.656.373.297.563
Nợ ngắn hạn	310		1.626.285.215.609	1.677.046.013.691
Phải trả người bán	311	16	128.446.677.100	133.905.993.612
Người mua trả tiền trước	312		15.780.644.814	19.810.399.585
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	17(a)	159.739.797	873.868.347
Phải trả người lao động	314		38.129.618.221	34.741.037.045
Phải trả khác	319	18	18.900.797.762	22.370.424.180
Vay ngắn hạn	320	19(a)	1.385.779.975.633	1.391.622.664.937
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	20	39.087.762.282	73.721.625.985
Nợ dài hạn	330		2.481.412.139.046	2.979.327.283.872
Trái phiếu	338	19(b)	2.480.416.666.671	2.977.916.666.669
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	15	-	196.279.113
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	995.472.375	1.214.338.090
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.609.795.698.669	1.574.206.834.847
Vốn chủ sở hữu	410	22	1.609.795.698.669	1.574.206.834.847
Vốn cổ phần	411	23	700.000.000.000	700.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		177.876.869.236	177.876.869.236
Cổ phiếu quỹ	415	23	(80.162.090.861)	(80.162.090.861)
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	46.653.201.824	52.223.331.236
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		765.427.718.470	724.268.725.236
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		5.717.493.053.324	6.230.580.132.410

Ngày 22 tháng 8 năm 2016

Người lập:

Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Doanh thu bán hàng	01	26	3.216.784.988.846	3.428.015.117.343
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	30.696.949.692	90.965.105.339
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	26	3.186.088.039.154	3.337.050.012.004
Giá vốn hàng bán	11	27	2.937.387.812.040	3.113.664.117.223
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		248.700.227.114	223.385.894.781
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	60.795.249.474	243.577.646.493
Chi phí tài chính	22	29	137.251.133.474	164.532.152.229
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		79.702.715.959	63.011.356.055
Chi phí bán hàng	25	30	103.003.321.831	118.176.391.201
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	27.533.805.869	29.729.253.380
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		41.707.215.414	154.525.744.464
Thu nhập khác	31		1.857.231.137	2.012.149.025
Chi phí khác	32		726.403.904	1.310.409.821
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.130.827.233	701.739.204
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		42.838.042.647	155.227.483.668
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	2.188.460.388	-
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	33	(509.410.975)	(4.815.206.950)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		41.158.993.234	160.042.690.618

Ngày 22 tháng 8 năm 2016

Người lập:

Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		42.838.042.647	155.227.483.668
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		16.733.759.661	14.513.579.212
Các khoản dự phòng	03		20.155.833.777	40.255.235.880
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.012.026.677	50.350.616.289
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	05		(81.774.123)	(90.000.000)
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(56.438.885.482)	(222.419.181.505)
Lỗ từ giải thể công ty con	05		-	212.507.759
Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	06		82.202.715.961	63.011.356.055
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		106.421.719.118	101.061.597.358
Biến động các khoản phải thu	09		(53.649.876.471)	(28.338.025.569)
Biến động hàng tồn kho	10		559.598.762.360	(866.246.725.059)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(6.940.535.410)	(432.763.923.022)
Biến động chi phí trả trước	12		1.917.955.908	(2.694.527.700)
			607.348.025.505	(1.228.981.603.992)
Tiền lãi vay đã trả	14		(85.264.199.578)	(56.200.449.892)
Thuế thu nhập đã nộp	15		-	(23.421.391.161)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(40.422.858.830)	(14.655.459.817)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		481.660.967.097	(1.323.258.904.862)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

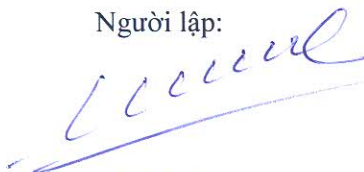
	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(2.983.585.728)	(39.762.194.530)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	22		1.458.181.818	90.000.000
Tiền chi cho bên liên quan vay	23		(10.000.000.000)	-
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23		(281.100.000.000)	(113.000.000.000)
Tiền gửi có kỳ hạn nhận được	24		325.000.000.000	448.700.000.000
Tiền chi đầu tư vào công ty con	25		(955.000.000)	(97.820.000.000)
Tiền thu đầu tư vào công ty con	26		-	37.326.643
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		41.401.279.578	85.657.720.713
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		72.820.875.668	283.902.852.826

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền vay và trái phiếu nhận được	33		2.132.032.442.643	5.210.161.282.042
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.636.721.998.815)	(3.279.397.255.575)
Tiền chi cho việc phát hành trái phiếu	34		-	(24.472.222.222)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(504.689.556.172)	1.906.291.804.245
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		49.792.286.593	866.935.752.209
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		631.784.693.548	55.147.726.132
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		1.438.600.372	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	683.015.580.513	922.083.478.341

Ngày 22 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là chế biến và kinh doanh hàng thủy sản; kinh doanh giống thủy sản và thức ăn thủy sản; và kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ cho ngành thủy sản.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 12 công ty con (1/1/2016: 10 công ty con) và 1 công ty liên kết (1/1/2016: 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 6(c).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 5.885 nhân viên (1/1/2016: 6.476 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ một cách riêng biệt. Để hiểu tổng quát tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, những báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất giữa niên độ.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iv) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai (2003) mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 đến 10 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí máy móc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(l) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó để phát hành lại, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu giảm giá trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận như thu nhập khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất giữa niên độ như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào biến động mùa vụ do kết quả của điều kiện thời tiết và thói quen của người tiêu dùng. Cụ thể, việc nuôi trồng thủy sản tại các khu vực địa lý trọng yếu bị tác động tiêu cực do điều kiện thời tiết nắng nóng, thường kéo dài từ tháng 1 đến tháng 5. Công ty đã nỗ lực để giảm thiểu các tác động mùa vụ này bằng cách quản lý hàng tồn kho để đáp ứng nhu cầu trong kỳ. Hoạt động kinh doanh thường đạt doanh thu và lợi nhuận thấp trong nửa đầu năm do nhu cầu tiêu thụ sản phẩm của khách hàng trong nửa đầu năm thường thấp hơn so với giai đoạn cuối năm do ảnh hưởng của các lễ hội lớn trên thế giới.

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đạt doanh thu 3.186.088 triệu đồng (sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 3.337.050 triệu đồng) và lợi nhuận trước thuế 42.838 triệu đồng (sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 155.227 triệu đồng).

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	2.676.811.616	1.338.483.773
Tiền gửi ngân hàng	45.148.768.897	429.446.209.775
Các khoản tương đương tiền	635.190.000.000	201.000.000.000
	683.015.580.513	631.784.693.548

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2016				1/1/2016			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
▪ Công ty Cổ phần Vận tải	141.800	6.004.500.000	1.956.840.000	(4.019.300.000)	141.800	6.004.500.000	1.446.360.000	(4.019.300.000)
▪ Xăng dầu Việt Nam								
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng số 8	112.000	5.263.000.000	952.000.000	(4.359.160.000)	112.000	5.263.000.000	952.000.000	(4.359.160.000)
▪ Công ty Cổ phần cơ điện lạnh	8	80.000	164.000	-	8	80.000	201.600	-
▪ Công ty Cổ phần công nghệ mới Kim Tụ Tháp Việt Nam	18.823	272.941.176	449.681.470	-	18.823	272.941.176	449.681.470	-
▪ Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển	125.882	3.270.588.235	2.202.935.000	-	125.882	3.270.588.235	2.265.876.000	-
		14.811.109.411	5.561.620.470	(8.378.460.000)		14.811.109.411	5.114.119.070	(8.378.460.000)

Không có biến động dự phòng giảm giá đầu tư trong kỳ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	547.100.000.000	591.000.000.000

Khoản này phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới một năm và hưởng lãi suất năm dao động từ 6,3% đến 7,0% trong kỳ (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015: từ 5,0% đến 7,0% một năm).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 547.100 triệu VND (1/1/2016: 591.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19(a)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đầu tư góp vốn vào:

Các công ty con

- Công ty Cổ phần Mseafood
- Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát
- Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang
- Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú
- Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An
- Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú
- Công ty TNHH MTV Chuối cung ứng Thủy sản Minh Phú
- Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang
- Công ty TNHH Kho vận Ebisumo (*)
- Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú (**)

Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Tiểu bang California, Hoa Kỳ	90,0%	90,0%	323.162.400.000	(***)	-
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	67,5%	67,5%	585.000.000.000	(***)	-
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	97,5%	97,5%	195.000.000.000	(***)	-
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	95,0%	95,0%	95.000.000.000	(***)	-
Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	99,1%	99,1%	148.650.000.000	(***)	(114.011.536.403)
Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	98,5%	98,5%	29.550.000.000	(***)	(14.377.471.144)
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	100,0%	100,0%	150.000.000.000	(***)	(150.000.000.000)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,0%	100,0%	4.500.000.000	(***)	(478.185.312)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,0%	100,0%	2.000.000.000	(***)	-
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	50,0%	50,0%	100.000.000.000	(***)	-
Thành phố Tokyo, Nhật Bản	100,0%	100,0%	935.000.000	(***)	-
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,0%	100,0%	20.000.000	(***)	-
			1.633.817.400.000		(278.867.192.859)

Công ty liên kết

- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong

49,0%	49,0%	3.900.000.000	(***)	-
-------	-------	---------------	-------	---

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị khác

- Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau

Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	10,0%	10,0%	7.000.000.000	(***)	(111.246.470)
			1.644.717.400.000		(278.978.439.329)

Ngày 1 tháng 1 năm 2016

Đầu tư góp vốn vào:

Các công ty con

- Công ty Cổ phần Mseafood
- Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát
- Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang
- Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú
- Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An
- Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú
- Công ty TNHH MTV Chuối cung ứng Thủy sản Minh Phú
- Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang

Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Tiểu bang California, Hoa Kỳ	90,0%	90,0%	323.162.400.000	(***)	-
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	67,5%	67,5%	585.000.000.000	(***)	-
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	97,5%	97,5%	195.000.000.000	(***)	-
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	95,0%	95,0%	95.000.000.000	(***)	-
Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	99,1%	99,1%	148.650.000.000	(***)	(107.464.380.566)
Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	98,5%	98,5%	29.550.000.000	(***)	(7.207.120.489)
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	100,0%	100,0%	150.000.000.000	(***)	(132.481.977.701)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,0%	100,0%	4.500.000.000	(***)	(358.748.669)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,0%	100,0%	2.000.000.000	(***)	-
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	50,0%	50,0%	100.000.000.000	(***)	-
			1.632.862.400.000		(247.512.227.425)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 1 tháng 1 năm 2016		Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Công ty liên kết							
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong		Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,0%	49,0%	3.900.000.000	(***)	-
Đơn vị khác							
▪ Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau		Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	10,0%	10,0%	7.000.000.000	(***)	(111.246.470)
					1.643.762.400.000		(247.623.473.895)

(*) Ngày 15 tháng 5 năm 2015, căn cứ theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 155/BB.HDQT.2015, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định thành lập Công ty TNHH Kho vận Ebisumo, tại Thành phố Tokyo, Nhật Bản với vốn pháp định được duyệt là 600.000 USD, tương đương 13.098.000.000 VND. Tại ngày lập báo cáo, Công ty chưa góp đủ vốn điều lệ.

(**) Ngày 23 tháng 3 năm 2016, căn cứ theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 233/HDQT.MPC.16, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định thành lập Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú, tại tỉnh Hậu Giang, Việt Nam với vốn pháp định được duyệt là 40.800.000.000 VND. Tại ngày lập báo cáo, Công ty chưa góp đủ vốn điều lệ.

(***) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá ghi sổ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản đầu tư dài hạn với giá trị ghi sổ là 482.895 triệu VND (1/1/2016: 514.250 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho trái phiếu dài hạn do Công ty phát hành (Thuyết minh 19(b)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	247.623.473.895	185.471.093.012
Tăng dự phòng trong kỳ	31.354.965.434	38.811.753.098
Dự phòng đã sử dụng trong kỳ	-	(20.426.119.010)
Số dư cuối kỳ	278.978.439.329	203.856.727.100

7. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Mseafood	776.401.587.236	868.708.294.026
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	173.481.083.446	-
Các khách hàng khác	270.019.230.908	288.926.331.222
	1.219.901.901.590	1.157.634.625.248

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Mseafood	776.401.587.236	868.708.294.026
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	173.481.083.446	-
Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang	58.595.622.188	58.595.622.188
Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	22.968.315.317	22.968.315.317
Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú	247.500.000	82.500.000
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	24.373.249.833	-
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau	2.058.898.500	2.058.898.500

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và phải thu trong vòng 15 – 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Khoản phải thu tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm 1.129.902 triệu VND (1/1/2016: 1.157.635 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19(a)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu về cho vay

Phải thu về cho vay phản ánh khoản cho Công ty TNHH Mekong Logistic vay, một bên liên quan. Khoản vay này không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm 7% (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015: không) và phải thu trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân.

9. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Cổ tức phải thu	28.526.358.941	16.000.000.000
Phải thu từ các công ty con (*)	68.018.749.501	76.254.886.474
Lãi phải thu từ tiền gửi	13.026.453.910	10.515.206.947
Phải thu khác	20.543.787.592	10.612.494.493
	130.115.349.944	113.382.587.914

- (*) Khoản phải thu từ các công ty con phản ánh khoản cho công ty con vay để hỗ trợ vốn hoạt động. Các khoản cho vay không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

Phải thu dài hạn khác phản ánh tạm ứng cho nông dân để hỗ trợ việc nuôi tôm, được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của nông dân. Khoản tạm ứng này không hưởng lãi và phải thu trong vòng 2 năm.

10. Hàng tồn kho

	30/6/2016		1/1/2016
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Nguyên vật liệu	52.289.862.225	-	44.673.238.392
Công cụ và dụng cụ	1.748.438.592	-	1.111.611.014
Thành phẩm	1.389.426.167.948	(5.114.224.703)	1.957.278.381.719
	1.443.464.468.765	(5.114.224.703)	2.003.063.231.125
			(16.313.356.360)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	16.313.356.360	18.543.250.146
Tăng dự phòng trong kỳ	-	1.443.482.782
Hoàn nhập	(11.199.131.657)	-
Số dư cuối kỳ	5.114.224.703	19.986.732.928

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 1.438.350 triệu VND (1/1/2016: 1.986.750 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19(a)).

Trong thành phẩm tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có 169.197 triệu VND (1/1/2016: 327.351 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	116.788.442.263	203.419.906.294	46.470.141.322	12.541.225.891	379.219.715.770
Tăng trong kỳ	952.785.455	761.993.000	626.077.273	42.730.000	2.383.585.728
Thanh lý	-	-	(3.366.638.182)	-	(3.366.638.182)
Số dư cuối kỳ	117.741.227.718	204.181.899.294	43.729.580.413	12.583.955.891	378.236.663.316
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	43.005.928.554	95.605.868.678	19.929.207.381	5.720.463.213	164.261.467.826
Khấu hao trong kỳ	3.958.299.714	8.986.279.330	2.325.663.481	591.586.996	15.861.829.521
Thanh lý	-	-	(1.990.230.487)	-	(1.990.230.487)
Số dư cuối kỳ	46.964.228.268	104.592.148.008	20.264.640.375	6.312.050.209	178.133.066.860
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	73.782.513.709	107.814.037.616	26.540.933.941	6.820.762.678	214.958.247.944
Số dư cuối kỳ	70.776.999.450	99.589.751.286	23.464.940.038	6.271.905.682	200.103.596.456

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản với nguyên giá là 54.316 triệu VND đã khấu hao hết (1/1/2016: 47.876 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 63.451 triệu VND (1/1/2016: 69.781 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19(a)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất có xác định thời hạn VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	22.181.099.585	19.572.187.118	41.753.286.703
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	4.181.094.158	1.869.407.764	6.050.501.922
Khấu hao trong kỳ	172.485.892	699.444.248	871.930.140
Số dư cuối kỳ	4.353.580.050	2.568.852.012	6.922.432.062
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	18.000.005.427	17.702.779.354	35.702.784.781
Số dư cuối kỳ	17.827.519.535	17.003.335.106	34.830.854.641

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 2.625 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (1/1/2016: 2.625 triệu VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 2.144 triệu VND (1/1/2016: 2.176 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19(a)).

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	3.560.994.364	17.973.392.000
Tăng trong kỳ	600.000.000	24.918.570.000
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.087.012.500)
Số dư cuối kỳ	4.160.994.364	41.804.949.500

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Máy móc	4.160.994.364	3.560.994.364

14. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Chi phí công cụ và dụng cụ trả trước	574.405.935	1.140.368.410

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu kỳ	10.418.336.264
Tăng trong kỳ	1.869.362.859
Phân bổ trong kỳ	(3.221.356.292)
Số dư cuối kỳ	9.066.342.831

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	36.055.972.727	36.055.972.727	26.565.972.727	26.565.972.727
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	-	-	36.922.698.573	36.922.698.573
Các nhà cung cấp khác	92.390.704.373	92.390.704.373	70.417.322.312	70.417.322.312
	128.446.677.100	128.446.677.100	133.905.993.612	133.905.993.612

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc	Số có khả năng	Giá gốc	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
		VND		VND
Công ty con				
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	-	-	36.922.698.573	36.922.698.573
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	36.055.972.727	36.055.972.727	26.565.972.727	26.565.972.727
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	7.230.000.000	7.230.000.000	6.750.000.000	6.750.000.000
Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú	-	-	92.897.700	92.897.700

Khoản phải trả thương mại cho các công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Số dư khoản phải trả người bán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016 không bị quá hạn.

17. Thuế phải nộp/phải thu Ngân sách Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	1/1/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	Cán trừ	30/6/2016
	VND	trong kỳ	trong kỳ	VND	VND
		VND	VND		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.188.460.388	-	(2.188.460.388)	-
Thuế thu nhập cá nhân	873.868.347	1.873.130.713	(2.587.259.263)	-	159.739.797
	873.868.347	4.061.591.101	(2.587.259.263)	(2.188.460.388)	159.739.797

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã được hoàn lại trong kỳ VND	Cán trừ VND	30/6/2016 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.155.642.862	-	-	(2.188.460.388)	10.967.182.474
Thuế xuất nhập khẩu	1.750.235.640	21.202.203	(1.003.414.202)	-	768.023.641
Các loại thuế khác	57.897.220	37.167.310	-	-	95.064.530
	14.963.775.722	58.369.513	(1.003.414.202)	(2.188.460.388)	11.830.270.645

18. Phải trả khác

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Cổ tức phải trả	2.619.368.300	2.619.368.300
Lãi vay phải trả	6.696.650.928	12.258.134.547
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và phí công đoàn	5.097.143.062	4.231.955.107
Tiền nhận ký quỹ ngắn hạn	2.500.000.000	2.500.000.000
Hoa hồng phải trả	392.099.083	682.257.718
Phải trả khác	1.595.536.389	78.708.508
	18.900.797.762	22.370.424.180

Phải trả khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016 không bị quá hạn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay và trái phiếu

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016		Biến động trong kỳ		30/6/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	1.391.622.664.937	1.391.622.664.937	2.130.879.309.511	(2.136.721.998.815)	1.385.779.975.633	1.385.779.975.633

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau Khoản vay 1 Khoản vay 2	VND	5,0%	578.504.443.141	764.100.136.557
	USD	1,5%	410.198.535.669	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau Khoản vay 3	VND	4,7% - 5,0%	285.712.015.891	312.221.609.610
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau Khoản vay 4 Khoản vay 5	VND	-	-	315.300.918.770
	USD	1,5%	44.454.697.621	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau Khoản vay 6 Khoản vay 7	VND	5,0%	46.251.214.110	-
	USD	1,5%	20.659.069.201	-
			1.385.779.975.633	1.391.622.664.937

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng các tài sản của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 6(b))	547.100.000.000	591.000.000.000
Phải thu khách hàng (Thuyết minh 7)	1.219.901.901.590	1.157.634.625.248
Hàng tồn kho (Thuyết minh 10)	1.438.350.244.062	1.986.749.874.765
Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	63.451.256.823	69.781.370.775
Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 12)	2.144.458.514	2.175.874.192
	3.270.947.860.989	3.807.341.744.980

(b) Trái phiếu

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu doanh nghiệp dài hạn hiện còn số dư như sau:

		Lãi suất	Năm	30/6/2016	1/1/2016
Loại tiền		(năm)	đáo hạn	VND	VND
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn không chuyển đổi					
Lô 1	VND	9,65%	2017	-	500.000.000.000
Lô 2 (*)	VND	7,50%	2020	2.480.416.666.671	2.477.916.666.669
				2.480.416.666.671	2.977.916.666.669

- (*) Trái phiếu doanh nghiệp với mệnh giá 1 tỷ VND được phát hành vào ngày 20 tháng 5 năm 2015 được đảm bảo bằng khoản đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty con với giá trị ghi sổ là 482.895 triệu VND (1/1/2016: 514.250 triệu VND) (Thuyết minh 6(c)) và không chuyển đổi. Trái phiếu sẽ được hoàn trả toàn bộ vào ngày 20 tháng 5 năm 2020. Trái phiếu được trình bày theo mệnh giá trừ đi chi phí phát hành. Chi phí phát hành được tính phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

20. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được lập bằng cách trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	73.721.625.985	54.525.794.658
Trích lập trong kỳ	-	27.101.848.228
Sử dụng trong kỳ	(34.633.863.703)	(7.428.414.871)
Số dư cuối kỳ	39.087.762.282	74.199.228.015

21. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động dự phòng dài hạn trong kỳ như sau:

	Trợ cấp thôi việc	
	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.214.338.090	1.531.000.202
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(218.865.715)	(118.950.446)
Số dư cuối kỳ	995.472.375	1.412.049.756

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	26.369.260.894	662.220.640.706	1.486.304.679.975
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	160.042.690.618	160.042.690.618
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	40.652.772.342	(40.652.772.342)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(27.101.848.228)	(27.101.848.228)
Cổ tức (*)	-	-	-	-	(343.661.025.000)	(343.661.025.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(7.108.094.500)	-	(7.108.094.500)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2015	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	59.913.938.736	410.847.685.754	1.268.476.402.865
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(30.239.985.518)	(30.239.985.518)
Cổ tức hoàn nhập (*)	-	-	-	-	343.661.025.000	343.661.025.000
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(7.690.607.500)	-	(7.690.607.500)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	52.223.331.236	724.268.725.236	1.574.206.834.847
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	41.158.993.234	41.158.993.234
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(5.570.129.412)	-	(5.570.129.412)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	46.653.201.824	765.427.718.470	1.609.795.698.669

(*) Tại cuộc họp ngày 18 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 5.000 VND trên một cổ phiếu tương đương 343.661 triệu VND. Tuy nhiên, vào ngày 19 tháng 8 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định hoàn nhập khoản này sau khi quyết toán tình hình kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(1.537.150)	(80.162.090.861)	(1.537.150)	(80.162.090.861)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	68.462.850	619.837.909.139	68.462.850	619.837.909.139

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng doanh nghiệp trong tương lai.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Trong vòng một năm	22.832.250.960	42.906.481.920
Trong vòng hai đến năm năm	6.895.050.000	8.274.060.000
	29.727.300.960	51.180.541.920

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	731.415	16.317.864.189	18.103.521	408.053.366.946
JPY	36.889.402	8.041.889.636	91.665.403	17.049.765.702
		24.359.753.825		425.103.132.648

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	3.210.175.392.333	3.419.395.287.314
▪ Nguyên vật liệu đã bán	1.595.304.720	2.597.472.035
▪ Phế liệu đã bán	5.014.291.793	6.022.357.994
	3.216.784.988.846	3.428.015.117.343
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(1.071.215.943)	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(29.625.733.749)	(90.965.105.339)
	(30.696.949.692)	(90.965.105.339)
Doanh thu thuần	3.186.088.039.154	3.337.050.012.004

27. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Thành phẩm đã bán	2.947.042.929.971	3.110.505.471.456
Nguyên vật liệu đã bán	1.544.013.726	1.715.162.985
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(11.199.131.657)	1.443.482.782
	2.937.387.812.040	3.113.664.117.223

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi	27.849.580.541	36.714.623.423
Cổ tức	28.589.304.941	185.704.558.082
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	4.356.363.992	21.158.464.988
	60.795.249.474	243.577.646.493

29. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	79.702.715.959	63.011.356.055
Dự phòng giảm giá đầu tư	31.354.965.434	38.811.753.098
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	22.665.570.591	11.606.141.250
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.012.026.677	50.350.616.289
Chi phí phát hành trái phiếu	2.500.000.002	-
Lỗ từ giải thể công ty con	-	212.507.759
Khác	15.854.811	539.777.778
	137.251.133.474	164.532.152.229

30. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.942.449.999	5.475.961.693
Chi phí vận chuyển	50.846.229.144	65.269.597.281
Chi phí thuê kho	25.969.414.049	34.028.980.694
Chi phí hoa hồng	9.188.409.343	6.356.862.349
Chi phí khác	11.056.819.296	7.044.989.184
	103.003.321.831	118.176.391.201

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	11.180.677.593	10.311.416.777
Dụng cụ văn phòng	2.936.392.367	3.395.564.053
Chi phí khấu hao	2.734.340.432	2.214.143.456
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.360.614.725	4.278.480.253
Phí ngân hàng	662.316.187	1.108.761.051
Chi phí khác	3.659.464.565	8.420.887.790
	27.533.805.869	29.729.253.380

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.116.630.550.460	2.569.781.940.503
Chi phí nhân công và nhân viên	214.929.736.496	226.100.040.982
Chi phí khấu hao và phân bổ	16.733.759.661	14.513.579.212
Chi phí dịch vụ mua ngoài	135.819.202.067	164.419.521.308
Chi phí khác	15.959.477.285	35.898.925.888

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	2.188.460.388	-
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	(509.410.975)	(812.915.525)
Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận	-	(4.002.291.425)
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập doanh nghiệp	1.679.049.413	(4.815.206.950)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	42.838.042.647	155.227.483.668
Thuế theo thuế suất của Công ty	4.283.804.265	15.522.748.367
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho thu nhập từ hoạt động thương mại	135.115.309	(1.990.551.900)
Chi phí không được khấu trừ thuế	119.060.333	204.170.091
Thu nhập không chịu thuế	(2.858.930.494)	(18.551.573.508)
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập doanh nghiệp	1.679.049.413	(4.815.206.950)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật Thuế Thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 10% lợi nhuận chịu thuế cho hoạt động chế biến và sản xuất các sản phẩm thủy sản và 20% cho hoạt động thương mại (2015: 22%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý		
Bán thành phẩm	104.657.842.441	183.416.004.739
Phí thuê nhà máy	9.000.000.000	9.000.000.000
Cổ tức	26.063.698.023	34.432.489.222
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát		
Bán thành phẩm	-	7.974.840.413
Phí thuê nhà máy	9.900.000.000	9.900.000.000
Cổ tức	2.462.660.918	16.083.246.379
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang		
Mua nguyên vật liệu	3.999.339.754	887.691.680
Mua thành phẩm	205.415.901.462	595.453.056.950
Bán nguyên vật liệu	1.595.304.720	2.597.472.035
Bán thành phẩm	532.544.679.016	491.188.585.751
Phí thuê nhà kho	411.169.984	1.105.571.745
Cổ tức	-	134.999.999.481
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Kiên Giang		
Mua nguyên vật liệu	-	4.464.340.915
Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú - Lộc An		
Doanh thu cho thuê	-	140.000.000
Công ty Cổ phần Mseafood		
Bán thành phẩm	1.377.384.480.199	1.045.952.727.239
Hàng bị trả lại	4.119.337.142	6.839.501.490
Công ty TNHH Một thành viên nuôi trồng thủy sản Minh Phú Hòa Điền		
Thu vốn từ giải thể	-	37.326.643
Công ty TNHH MTV Chuối cung ứng Thủy sản Minh Phú		
Cung cấp dịch vụ	3.045.927.000	13.536.831.000
Thu nhập cho thuê	150.000.000	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang		
Góp vốn	-	97.820.000.000
Công ty TNHH Kho vận Ebisumo		
Góp vốn	935.000.000	-
Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú		
Góp vốn	20.000.000	-
Công ty TNHH Mekong Logistic		
Khoản vay cấp bởi Công ty	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng		
Thuê văn phòng	1.190.378.837	1.129.630.711

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

Tổng lương thưởng và trợ cấp trả cho các nhân sự chủ chốt như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lương thưởng và phụ cấp	3.485.234.929	3.315.703.998

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch phi tiền tệ

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chuyển từ các khoản đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Hòa Điền sang các khoản phải thu từ Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang	-	9.075.680.545
Chuyển từ các khoản đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Hòa Điền sang các khoản phải trả cho Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang	-	6.348.366.465

Ngày 22 tháng 8 năm 2016

Người lập:

Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

